

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 72/2018/DS-ST.

Ngày: 02/10/2018.

V/v: “T/c hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Thanh Bình.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Lương Thành Trung** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2017/TLST- DS ngày 08 tháng 8 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2018/QĐST- DS, ngày 10/4/2018 và thông báo mở lại phiên tòa số 10/2018/TB-TA ngày 13/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị D**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 10 ấp Số 8, xã SK, huyện HĐ, tỉnh KG.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Hoàng H**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: số 883/24 khu phố Sơn Tiến, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG.

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị H1**, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 13 ấp Số 8, xã SK, huyện HĐ, tỉnh KG.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Trần Minh H2**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

2. Chị **Đinh Hồng L**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ 13, ấp Số 8, xã SK, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2017 và trong quá trình xét xử, bà Đinh Thị D trình bày như sau:

Trước đây vào năm 2012 bà Phạm Thị H1 có mua thiếu phân bón và cám gạo của bà Đinh Thị D nhiều lần với số tiền gốc là 32.615.000 đồng. Ngoài ra cũng trong năm 2016 bà D có vay dùm cho H1 thêm số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 52.615.000 đồng. Đến ngày 13/9/2016 hai bên tổng kết nợ với nhau theo đó bà H1 thừa nhận còn nợ bà D số tiền gốc của 02 khoản tiền trên là 98.215.000 đồng (có làm biên nhận). Bà H1 hẹn trong năm 2016 sẽ trả hết số nợ trên nhưng đến nay bà H1 vẫn chưa trả được lần nào.

Nay số nợ trên đã lâu nên bà Đinh Thị D yêu cầu bà Phạm Thị H1 phải trả cho bà số tiền còn nợ gồm gốc và lãi hai bên chốt nợ đến ngày 13/9/2016 là 98.215.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hoàng H yêu cầu bà Phạm Thị H1 phải trả số tiền mua thiếu phân bón, cám gạo và tiền vay với tổng số tiền gốc là 52.615.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 11 năm 2012 đến ngày 30/9/2018, làm tròn là 70 tháng. Cụ thể $52.615.000 \text{ đồng} \times 70 \text{ tháng} \times 1.125\%/\text{tháng} = 94.049.000 \text{ đồng}$, khấu trừ số tiền trước đây bà D đã nhận số tiền gốc 8.400.000 đồng. Do đó bà D yêu cầu bà H1 trả số tiền gốc và lãi $94.049.000 \text{ đồng} - 8.400.000 \text{ đồng} = 85.649.000 \text{ đồng}$. Nhưng phía bà D chỉ yêu cầu phía bà H1 phải trả cho bà số tiền gốc và lãi là 80.000.000 đồng (gốc là 52.615.000 đồng, tiền lãi là 27.385.000 đồng).

Trong quá trình làm việc, tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị H1 trình bày như sau:

Bà Phạm Thị H1 thừa nhận vào năm 2016 có mua thiếu phân bón và cám gạo của bà Đinh Thị D nhiều lần với số tiền gốc là 32.615.000 đồng. Ngoài ra cũng trong

năm 2016 bà có nhờ bà D vay dùm số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 52.615.000 đồng. Đến ngày 13/9/2016 hai bên tổng kết nợ với nhau theo đó bà H1 thừa nhận còn nợ bà D số tiền gốc và lãi của 02 khoản tiền trên là 98.215.000 đồng (có làm biên nhận).

Cụ thể bà H1 vào ngày 01/01/2009 bà H1 vay của bà D số tiền là 3.000.000 đồng, vào ngày 01/01/2010 vay số tiền là 5.000.000 đồng và vào ngày 01/8/2012 vay số tiền là 12.000.000 đồng (tổng cộng là 20.000.000 đồng). Số tiền gốc thì bà H1 chưa trả, còn số tiền lãi của 20.000.000 đồng thì bà đã đóng được số tiền là 16.920.000 đồng. Cụ thể vào ngày 01/8/2012 bà H1 trả được số tiền là 3.870.000 đồng, ngày 01/08/2012 bà H1 trả số tiền là 4.650.000 đồng và ngày 10/4/2015 bà H1 trả số tiền 8.400.000 đồng (các lần đóng lãi giữa hai bên không làm biên nhận). Đối với khoản vay này bà H1 đồng ý trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng cho bà D, không đồng ý trả số tiền lãi.

Đối với số tiền mua bán phân bón và cám gạo nhiều lần với số tiền gốc là 32.615.000 đồng. Bà H1 cho rằng bà chỉ mua bán với bà D số tiền khoảng 22.000.000 đồng, số tiền còn lại là do con gái và con rể của bà là chị L và anh H2 mua chứ bà không có mua của bà D. Do đó bà chỉ đồng ý trả số tiền 22.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền gốc là 32.615.000 đồng theo như lời trình bày của bà D và bà không đồng ý trả số tiền lãi đối với việc mua bán này. Đồng thời bà yêu cầu xin được trả dần số tiền hai khoản nợ vay và mua bán mỗi mùa trả 10.000.000 đồng đến khi hết nợ. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay bà H1 thừa nhận đối với số tiền mua bán phân bón và cám gạo nhiều lần với số tiền gốc là 32.615.000 đồng bà là người trực tiếp đứng ra mua bán với bà D, phía các con bà là anh H2 và chị L không là người đứng ra mua bán với bà D. Do đó bà đồng ý trả cho bà D số tiền gốc của hai khoản là 52.615.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà D yêu cầu bà phải trả số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 80.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 52.615.000 đồng, tiền lãi là 27.385.000 đồng) thì bà cũng đồng ý trả số tiền này cho phía bà D, tuy nhiên bà xin trả dần số tiền hai khoản nợ vay và mua bán mỗi mùa trả số tiền 10.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Trần Minh H2 và chị Đinh Hồng L: trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H2 và chị L đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên không có lời khai.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Thẩm phán còn để vụ án kéo dài là vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên việc vi phạm này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay và mua bán phân bón, cám gạo tổng cộng số tiền là 80.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 52.615.000 đồng, tiền lãi là 27.385.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản giữa nguyên đơn bà Đinh Thị D và bị đơn bà Phạm Thị H1. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Theo các bản khai và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay cho thấy việc bà H1 có vay tiền nhiều lần của bà D với số tiền tổng cộng là 20.000.000 đồng và các bên thừa nhận đúng sự thật, không có ý kiến đối với số tiền này.

Đối với số tiền mua thiếu phân bón, cám gạo là 32.615.000 đồng, các bên có ý kiến khác nhau. Phía bà D thì cho rằng bà H1 đã nhiều lần mua thiếu phân bón, cám gạo của bà với số tiền là 32.615.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Còn bà H1 thì cho rằng bà chỉ mua thiếu với số tiền là 22.000.000 đồng, đối với số tiền còn lại là bà mua dùm cho chị L và anh H2. Do không thỏa thuận được nên từ đó hai bên phát sinh tranh chấp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: theo biên nhận mượn tiền và mua bán phân bón giữa các bên chốt nợ đến ngày 13/9/2016 âm lịch với số tiền gốc và lãi tổng cộng là 98.215.000 đồng (BL số 02). Phía bà D yêu cầu bà H1 phải có trách nhiệm thanh toán hai khoản nợ này cho bà. Xét thấy: theo biên nhận mượn tiền và mua bán phân bón giữa các bên chốt nợ đến ngày 13/9/2016 âm lịch đều thể hiện số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng, số tiền gốc mua bán phân bón và cám gạo là 32.615.000 đồng (bà H1 thừa nhận chữ ký và chữ viết là của bà). Đối với số tiền hai bên tổng kết nợ với nhau là 98.215.000 đồng có các khoản như sau: tiền lãi của 20.000.000 đồng (lãi suất 2,5%), tiền lãi mua bán phân bón và cám gạo là 27.000.000 đồng và số tiền lãi bà H1 đã trả được cho bà D là 8.400.000 đồng. Theo Bộ luật dân sự năm 2005 quy định như sau: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”. Như vậy phía bà D tính số tiền vay lãi suất 2,5%/tháng là quá cao so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía bà D đã tính lại số tiền lãi của hai khoản mua bán và nợ vay theo đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến trình bày của bà H1 cho rằng bà chỉ mua bán cám gạo và phân bón với bà D số tiền khoảng 22.000.000 đồng, số tiền còn lại là bà mua giùm cho con

gái và con rể của bà là chị L và anh H2 chứ bà không có mua của bà D. Theo biên nhận hai bên tổng kết nợ với nhau bà H1 thừa nhận chữ ký và chữ viết trong tờ biên nhận nợ này, việc bà cho rằng có mua giùm cho gia đình con gái mình là không có cơ sở để được chấp nhận. Đồng thời Tòa án đã nhiều lần mời vợ chồng anh H2 và chị L lên để làm rõ nội dung vụ án nhưng phía anh H2, chị L đều không hợp tác với Tòa án do đó lời khai nại của bà H1 là không có căn cứ để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay phía bà D chỉ yêu cầu phía bà H1 phải trả cho bà số tiền gốc và lãi là 80.000.000 đồng (gốc là 52.615.000 đồng, tiền lãi là 27.385.000 đồng). Tại phiên tòa hôm nay bà H1 thừa nhận đối với số tiền mua bán phân bón và cám gạo nhiều lần với số tiền gốc là 32.615.000 đồng bà là người trực tiếp đứng ra mua bán với bà D, phía các con bà là anh H2 và chị L không là người đứng ra mua bán với bà D. Do đó bà đồng ý trả cho bà D số tiền gốc của hai khoản là 52.615.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà D yêu cầu bà H1 phải trả số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 80.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 52.615.000 đồng, tiền lãi là 27.385.000 đồng) thì bà cũng đồng ý trả số tiền này cho phía bà D, tuy nhiên bà xin trả dần số tiền hai khoản nợ vay và mua bán mỗi mùa trả số tiền 10.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Từ những nhận định và viện dẫn nêu trên. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho bà Đinh Thị D số tiền mua bán phân bón, cám gạo và số tiền gốc vay gốc và lãi là 80.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 52.615.000 đồng, tiền lãi là 27.385.000 đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị H1 xin được trả dần số nợ trên mỗi vụ 10.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC – VKSNDTC - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định “...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...”. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía bà D không đồng ý nên HĐXX miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

Về án phí: bà Phạm Thị H1 phải chịu án dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật của số tiền phải thanh toán cho bà D là 4.000.000 đồng (80.000.000 đồng x 5%).

Bà Đinh Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.450.000 đồng theo lai thu số 0009104 ngày 08/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cho bà Đinh Thị D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 428, Điều 438, Điều 471, Điều 473, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D.

Buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho bà Đinh Thị D số tiền 80.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 52.615.000 đồng, tiền lãi là 27.385.000 đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: bà Phạm Thị H1 phải chịu án dân sự có giá ngạch là 4.000.000 đồng.

Bà Đinh Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.450.000 đồng theo lai thu số 0009104 ngày 08/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cho bà Đinh Thị D.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An